UBND TỈNH HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CÔNG CHỨC

SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ký bởi: Sở Nội vụ
Email: sonoivu@hatinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Tĩnh
Thời gian ký: 28.09.2016 08:14:23 -07:00

LỊCH THI VÀ TỔ CHỨC PHÒNG THI
Kỳ thi ngày 30 tháng 9 năm 2016

1. Địa điểm thi: Cơ sở 1: 447, đường 26/3, TP. Hà Tĩnh; Cơ sở 2: Cẩm Vịnh, Cẩm Xuyên.

2. Tổng số thí sinh đăng ký dự thi: 1581

3. Tổng số phòng thi: 42 *(Môn Tin học thi ở cơ sở 1 và cơ sở 2, các môn khác thi tại cơ sở 2)*

4. Thời gian thi: 3 ngày, từ 30/9 đến 02/10 /2016

5. Lịch thi

Ngày thi	Thời gian	Môn thi	Địa điểm thi	Số lượt thi (220 TS/ca)
30/9/2016	7h00'-7h30'	Khai mạc kỳ thi	Hội trường CSI	
	8h30'-11h00'	Tin học	CS1 và CS2	2ca (440TS)
	14h00'-17h45'	Tin học	CS1 và CS2	3ca (660TS)
01/10/2016	7h00'-10h45'	Tin học	CS1 và CS2	3ca (481TS)
	14h00'-17h45'	Kiến thức chung	CS2	1581
02/10/2016	7h00'-9h15'	Tiếng Anh;	CS2	1581
	10h15'-11h15'	Nghiệp vụ chuyên ngành (TN)	CS2	1581
	14h00'-17h45'	Nghiệp vụ chuyên ngành (TL)	CS2	1581

5. Tổ chức phòng thi

5.1. Môn Tin học *(Thi thực hành trên máy tính, thời gian làm bài 45')*

a. Cơ sở 1

Thời gian	Ca thi	Mã ngành	Môn thi	Số thí sinh	Số liệu phòng thi				
					Số PT	*Từ PT*	*đến PT*	*TS/ P*	*Thi tại phòng*
Sáng 30/9/2016	1	KT-TC	Tin học	**60**	2	*1*	*2*	*30*	*TH1, TH2*
	2	KT-TC	Tin học	**60**	2	*3*	*4*	*30*	*TH1, TH2*
Chiều 30/9/2016	1	KT-TC	Tin học	**60**	2	*5*	*6*	*30*	*TH1, TH2*
	2	KT-TC	Tin học	**60**	2	*7*	*8*	*30*	*TH1, TH2*
	3	KT-TC TTr	Tin học	**60**	2	*9*	*10*	*30*	*TH1, TH2*
Sáng 01/10/2016	1	TTr	Tin học	**60**	2	*11*	*12*	*30*	*TH1, TH2*
	2	TTr	Tin học	**60**	2	*13*	*14*	*30*	*TH1, TH2*
	3	TTr	Tin học	**23**	1	*15*	*15*	*23*	*TH1*

b. Cơ sở 2

Môn Tin học *(Thi thực hành trên máy tính, thời gian làm bài 45')*

Thời gian	Ca thi	Mã ngành	Môn thi	Số thí sinh	Số liệu phòng thi				
					Số PT	*Từ PT*	*đến PT*	*TS/ P*	*Thi tại phòng*
Sáng 30/9/2016	1	TTr TP-PC	Tin học	**160**	4	*16*	*17*	*35*	*A1.401, 502*
						18	*19*	*45*	*A1.402, 503*
	2	TP-PC PTNT QLMT	Tin học	**160**	4	*20*	*21*	*35*	*A1.401, 502*
						22	*23*	*45*	*A1.402, 503*
Chiều 30/9/2016	1	QLMT QLGT KHĐT	Tin học	**160**	4	*24*	*25*	*35*	*A1.401, 502*
						26	*27*	*45*	*A1.402, 503*
	2	KHĐT LN-KL QLĐĐ	Tin học	**160**	4	*28*	*29*	*35*	*A1.401, 502*
						30	*31*	*45*	*A1.402, 503*
	3	QLĐĐ TCNN-VTLT VP TM	Tin học	**160**	4	*32*	*33*	*35*	*A1.401, 502*
						34	*35*	*45*	*A1.402, 503*
Sáng 01/10/2016	1	TM CNTT TT-BVTV XD-ĐT LĐ-TBXH	Tin học	**160**	4	*36*	*37*	*35*	*A1.401, 502*
						38	*39*	*45*	*A1.402, 503*
	2	LĐ-TBXH TLĐĐ KHCN QLYD CNTY QLVH TN-KS QLBC	Tin học	**160**	4	*40*	*41*	*35*	*A1.401, 502*
						42	*43*	*45*	*A1.402, 503*
	3	QLBC TS QLCLNLTS	Tin học	**18**	1	*44*	*44*	*18*	*A1.401*

Ghi chú: *Ca thi 3 sáng 01/10/2016, tại Cơ sở 2, các phòng thi A1: 402, 502, 503 dự phòng dành cho các thí sinh bị lỗi kỹ thuật (nộp bài thi bị lỗi mạng, mất điểm bài thi) trong các ca thi trước.*

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH HÀ TĨNH

5.2. Môn Kiến thức chung *(Thi viết, thời gian làm bài 180')*

Thời gian	Mã ngành	Giảng đường	Số thí sinh	Số liệu phòng thi				
				Số PT	Từ PT	đến PT	TS/ PT	Thi tại phòng
Chiều 01/10/2016	KT-TC	*Nhà A1 423 TS (từ SBD 1 đến số 423)*	**126**	3	*1*	*3*	*42*	*403, 301, 302*
			129	3	*4*	*6*	*43*	*303, 201, 202*
	TTr		**168**	4	*7*	*10*	*42*	*203, 101, 102 103*
	TTr	*Nhà A3 632 TS (từ SBD 424 đến số 1055)*	**42**	1	*11*	*11*	*42*	*501*
	TP-PC		**42**	1	*12*	*12*	*37* / *5*	*502*
	TP-PC		**126**	3	*13*	*15*	*42*	*503, 401, 402*
	PTNT		**42**	1	*16*	*16*	*32* / *10*	*403*
	PTNT		**84**	2	*17*	*18*	*42*	*301, 302*
	QLMT		**42**	1	*19*	*19*	*42*	*303*
	QLGT		**42**	1	*20*	*20*	*38* / *4*	*201*
			43	1	*21*	*21*	*43*	*202*
	KHĐT		**43**	1	*22*	*22*	*28* / *15*	*203*
	KHĐT		**42**	1	*23*	*23*	*42*	*101*
	LN-KL		**42**	1	*24*	*24*	*14* / *28*	*102*
	LN-KL		**42**	1	*25*	*25*	*42*	*103*
	QLĐĐ	*Nhà A5 526 TS (từ SBD 1056 đến số 1581)*	**36**	1	*26*	*26*	*36*	*201*
	QLĐĐ		**33**	1	*27*	*27*	*33*	*202*
	TCNN-VTLT		**36**	1	*28*	*28*	*36*	*203*
	TCNN-VTLT		**36**	1	*29*	*29*	*19* / *17*	*204*
	VP							
	VP		**37**	1	*30*	*30*	*37*	*303*
	TM		**36**	1	*31*	*31*	*36*	*304*
	TM		**37**	1	*32*	*32*	*10* / *27*	*401*
	CNTT							
	CNTT		**37**	1	*33*	*33*	*15* / *22*	*402*
	TT-BVTV							
	TT-BVTV		**37**	1	*34*	*34*	*19* / *18*	*403*
	XD-ĐT							
	XD-ĐT		**37**	1	*35*	*35*	*22* / *15*	*404*
	LĐ-TBXH							
	LĐ-TBXH		**37**	1	*36*	*36*	*20* / *17*	*503*
	TLĐĐ							

	TTDD		**37**	1	*37*	*37*	*13*	*504*
	KHCN						*24*	
	QLYD		**23**	1	*38*	*38*	*23*	*302B*
	CNTY		**19**	1	*39*	*39*	*19*	*501A*
	QLVH		**15**	1	*40*	*40*	*15*	*501B*
	TN-KS		**20**	1	*41*	*41*	*11*	*502A*
	QLBC						*9*	
	TS		**13**	1	*42*	*42*	*9*	*502B*
	QLCLNLTS						*4*	
	Tổng		**1581**					

5.3. Môn Tiếng Anh *(Thi viết, thời gian làm bài 90')*

Thí sinh bắt đầu làm bài từ 7h30' đến 9h00'

Thời gian	Mã ngành	Giảng đường	Số thí sinh	Số liệu phòng thi				
				Số PT	*Từ PT*	*đến PT*	*TS/ PT*	*Thi tại phòng*
Sáng 02/10/2016	KT-TC	*Nhà A1 423 TS (từ SBD 1 đến số 423)*	**126**	3	*1*	*3*	*42*	*403, 301, 302*
			129	3	*4*	*6*	*43*	*303, 201, 202*
	TTr		**168**	4	*7*	*10*	*42*	*203, 101, 102 103*
	TTr	*Nhà A3 632 TS (từ SBD 424 đến số 1055)*	**42**	1	*11*	*11*	*42*	*501*
	TP-PC		**42**	1	*12*	*12*	*37* / *5*	*502*
	TP-PC		**126**	3	*13*	*15*	*42*	*503, 401, 402*
	PTNT		**42**	1	*16*	*16*	*32* / *10*	*403*
	PTNT		**84**	2	*17*	*18*	*42*	*301, 302*
	QLMT		**42**	1	*19*	*19*	*42*	*303*
	QLGT		**42**	1	*20*	*20*	*38* / *4*	*201*
			43	1	*21*	*21*	*43*	*202*
	KHĐT		**43**	1	*22*	*22*	*28* / *15*	*203*
	KHĐT		**42**	1	*23*	*23*	*42*	*101*
	LN-KL		**42**	1	*24*	*24*	*14* / *28*	*102*
	LN-KL		**42**	1	*25*	*25*	*42*	*103*
	QLĐĐ	*Nhà A5 526 TS (từ SBD 1056 đến số 1581)*	**36**	1	*26*	*26*	*36*	*201*
	QLĐĐ		**33**	1	*27*	*27*	*33*	*202*
	TCNN-VTLT		**36**	1	*28*	*28*	*36*	*203*
	TCNN-VTLT		**36**	1	*29*	*29*	*19* / *17*	*204*
	VP							
	VP		**37**	1	*30*	*30*	*37*	*303*
	TM		**36**	1	*31*	*31*	*36*	*304*
	TM		**37**	1	*32*	*32*	*10* / *27*	*401*
	CNTT							
	CNTT		**37**	1	*33*	*33*	*15* / *22*	*402*
	TT-BVTV							
	TT-BVTV		**37**	1	*34*	*34*	*19* / *18*	*403*
	XD-ĐT							
	XD-ĐT		**37**	1	*35*	*35*	*22* / *15*	*404*
	LĐ-TBXH							
	LĐ-TBXH		**37**	1	*36*	*36*	*20* / *17*	*503*
	TLĐĐ							

	TLDS		37	1	37	37	13	504
	KHCN						24	
	QLVH		23	1	38	38	23	302B
	CNTY		19	1	39	39	19	501A
	QLTH		15	1	40	40	15	501B
	TN-KS		20	1	41	41	11	502A
	QLBC						9	
	TS		13	1	42	42	9	502B
	QLCLNLTS						4	
	Tổng		**1581**					

5.4. Môn Nghiệp vụ chuyên ngành *(Thi trắc nghiệm, thời gian làm bài 45')*
Thi ca 2, bắt đầu từ 9h15' đến 10h00'

Thời gian	Mã ngành	Giảng đường	Số thí sinh	Số liệu phòng thi				
				Số PT	*Từ PT*	*đến PT*	*TS/ PT*	*Thi tại phòng*
Sáng 02/10/2016	KT-TC	***Nhà A1 423 TS*** *(từ SBD 1 đến số 423)*	**126**	3	*1*	*3*	*42*	*403, 301, 302*
			129	3	*4*	*6*	*43*	*303, 201, 202*
	TTr		**168**	4	*7*	*10*	*42*	*203, 101, 102 103*
	TTr	***Nhà A3 632 TS*** *(từ SBD 424 đến số 1055)*	**42**	1	*11*	*11*	*42*	*501*
	TP-PC		**42**	1	*12*	*12*	*37* / *5*	*502*
	TP-PC		**126**	3	*13*	*15*	*42*	*503, 401, 402*
	PTNT		**42**	1	*16*	*16*	*32* / *10*	*403*
	PTNT		**84**	2	*17*	*18*	*42*	*301, 302*
	QLMT		**42**	1	*19*	*19*	*42*	*303*
	QLGT		**42**	1	*20*	*20*	*38* / *4*	*201*
			43	1	*21*	*21*	*43*	*202*
	KHĐT		**43**	1	*22*	*22*	*28* / *15*	*203*
	KHĐT		**42**	1	*23*	*23*	*42*	*101*
	LN-KL		**42**	1	*24*	*24*	*14* / *28*	*102*
	LN-KL		**42**	1	*25*	*25*	*42*	*103*
	QLĐĐ	***Nhà A5 526 TS*** *(từ SBD 1056 đến số 1581)*	**36**	1	*26*	*26*	*36*	*201*
	QLĐĐ		**33**	1	*27*	*27*	*33*	*202*
	TCNN-VTLT		**36**	1	*28*	*28*	*36*	*203*
	TCNN-VTLT		**36**	1	*29*	*29*	*19* / *17*	*204*
	VP							
	VP		**37**	1	*30*	*30*	*37*	*303*
	TM		**36**	1	*31*	*31*	*36*	*304*
	TM		**37**	1	*32*	*32*	*10* / *27*	*401*
	CNTT							
	CNTT		**37**	1	*33*	*33*	*15* / *22*	*402*
	TT-BVTV							
	TT-BVTV		**37**	1	*34*	*34*	*19* / *18*	*403*
	XD-ĐT							
	XD-ĐT		**37**	1	*35*	*35*	*22* / *15*	*404*
	LĐ-TBXH							
	LĐ-TBXH		**37**	1	*36*	*36*	*20* / *17*	*503*
	TLĐĐ							

	TLDĐ		37	1	37	37	13	504
	KHCN						24	
	QLYD		23	1	38	38	23	302B
	CNTY		19	1	39	39	19	501A
	QLVH		15	1	40	40	15	501B
	TN-KS		20	1	41	41	11	502A
	QLBC						9	
	TS		13	1	42	42	9	502B
	QLCLNLTS						4	
			1581					

CỘNG HOÀ XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH HÀ TĨNH

5.5. Môn Nghiệp vụ chuyên ngành *(Thi viết, thời gian làm bài 180')*

Thời gian	Mã ngành	Giảng đường	Số thí sinh	Số liệu phòng thi				
				Số PT	Từ PT	đến PT	TS/ PT	Thi tại phòng
Chiều 02/10/2016	KT-TC	*Nhà A1 423 TS (từ SBD 1 đến số 423)*	126	3	1	3	42	403, 301, 302
			129	3	4	6	43	303, 201, 202
	TTr		168	4	7	10	42	203, 101, 102 103
	TTr	*Nhà A3 632 TS (từ SBD 424 đến số 1055)*	42	1	11	11	42	501
	TP-PC		42	1	12	12	37 5	502
	TP-PC		126	3	13	15	42	503, 401, 402
	PTNT		42	1	16	16	32 10	403
	PTNT		84	2	17	18	42	301, 302
	QLMT		42	1	19	19	42	303
	QLGT		42	1	20	20	38 4	201
	KHĐT		43	1	21	21	43	202
	KHĐT		43	1	22	22	28 15	203
	LN-KL		42	1	23	23	42	101
	LN-KL		42	1	24	24	14 28	102
	QLĐĐ	*Nhà A5 526 TS (từ SBD 1056 đến số 1581)*	42	1	25	25	42	103
	QLĐĐ		36	1	26	26	36	201
	TCNN-VTLT		33	1	27	27	33	202
	TCNN-VTLT		36	1	28	28	36	203
	VP		36	1	29	29	19 17	204
	VP		37	1	30	30	37	303
	TM		36	1	31	31	36	304
	TM		37	1	32	32	10 27	401
	CNTT		37	1	33	33	15 22	402
	CNTT		37	1	34	34	19 18	403
	TT-BVTV		37	1	35	35	22 15	404
	TT-BVTV		37	1	36	36	20 17	503
	XD-ĐT							
	XD-ĐT							
	LĐ-TBXH							
	LĐ-TBXH							
	TLĐĐ							

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH HÀ TĨNH

	TLĐĐ		37	1	37	37	13
	KHCN						24
	QLYD		23	1	38	38	23
	CNTY		19	1	39	39	19
	QLVH		15	1	40	40	15
	TN-KS		20	1	41	41	11
	QLBC						9
	TS		13	1	42	42	9
	QLCLNLTS						4
Tổng			1581				

HỘI ĐỒNG THI CÔNG CHỨC NĂM 2016

SỞ NỘI VỤ

SƠ ĐỒ PHÒNG THI

Kỳ thi tuyển công chức năm 2016

Cơ sở 2, Trường Đại học Hà Tĩnh

Cổng trường

Đường lớn vào trường

Nhà A1

	P.Máy tính 503			P.Máy tính 502			WC
	Phòng thi 1 403			P.Máy tính 402	P.Máy tính 401		WC
	Phòng thi 4 303			Phòng thi 3 302	Phòng thi 2 301		WC
	Phòng thi 7 203			Phòng thi 6 202	Phòng thi 5 201		WC
	Phòng thi 10 103			Phòng thi 9 102	Phòng thi 8 101		WC

Nhà A3

	Phòng thi 13 503			Phòng thi 12 502	Phòng thi 11 501		WC
	Phòng thi 16 403			Phòng thi 15 402	Phòng thi 14 401		WC
	Phòng thi 19 303			Phòng thi 18 302	Phòng thi 17 301		WC
	Phòng thi 22 203			Phòng thi 21 202	Phòng thi 20 201		WC
	Phòng thi 25 103			Phòng thi 24 102	Phòng thi 23 101		WC

Nhà A5

	Phòng thi 37 504	Phòng thi 36 503	P. thi 42 502B	P. thi 41 502A	P. thi 40 501B	P. thi 39 501A	WC
	Phòng thi 35 404	Phòng thi 34 403	Phòng thi 33 402			Phòng thi 32 401	WC
	Phòng thi 31 304	Phòng thi 30 303	Phòng thi 38 302B				WC
	Phòng thi 29 204	Phòng thi 28 203	Phòng thi 27 202			Phòng thi 26 201	WC
	P.Họp HĐ 104						WC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH HÀ TĨNH

SƠ ĐỒ
PHÒNG THI TIN HỌC CƠ SỞ 1

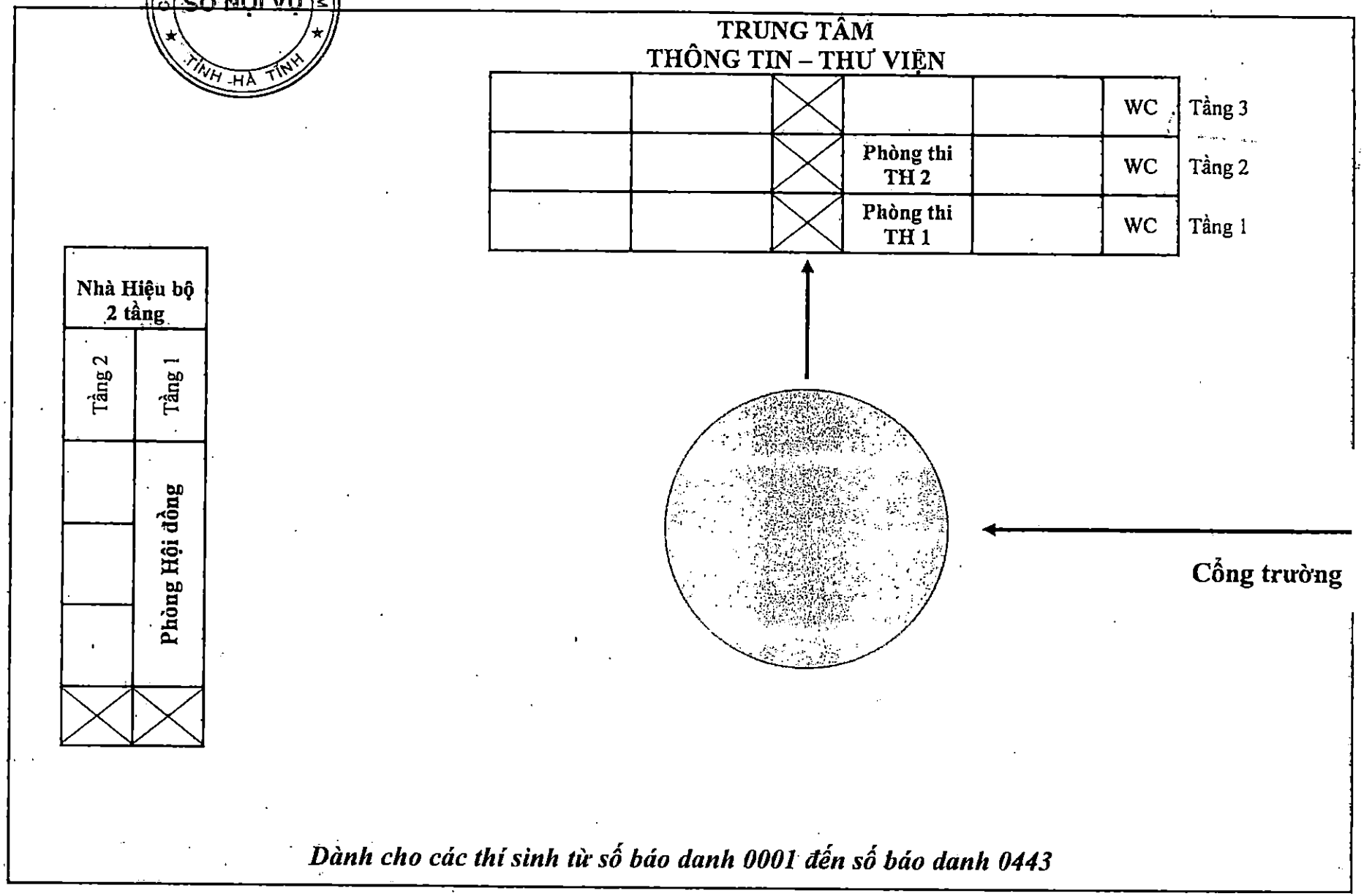

Dành cho các thí sinh từ số báo danh 0001 đến số báo danh 0443

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH HÀ TĨNH

SƠ ĐỒ
PHÒNG THI TIN HỌC CƠ SỞ 2

Cổng trường

Đường lớn vào trường

Nhà A1

	Phòng thi 503			**Phòng thi 502**			WC	Tầng 5
				Phòng thi 402	**Phòng thi 401**		WC	Tầng 4
							WC	Tầng 3
							WC	Tầng 2
							WC	Tầng 1

Từ số báo danh 444 đến số báo danh 1581